

ROSEMARY J. LEONARD*
MIRIAM D. PEPPER**

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ HÀNH ĐỘNG ĐỂ GIẢM SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG CỦA CÁC KITÔ HỮU ĐI LEEXD NHÀ THỜ: NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HỆ PHÁI TÔN GIÁO VÀ VỐN XÃ HỘI***

Tóm tắt: Bài viết này giới thiệu một nghiên cứu định lượng về thái độ của các Kitô hữu đi lễ nhà thờ đối với biến đổi khí hậu và các hành động được thực hiện để giảm sử dụng năng lượng. Nghiên cứu trình bày dữ liệu từ một loạt các khảo sát quốc gia và một trong số các cuộc khảo sát đó đã nghiên cứu chi tiết hơn để xác định sự ảnh hưởng của các hệ phái tôn giáo khác nhau (*persuasions religieuses/ religious persuasions*)¹ và vốn xã hội để dự đoán các hành động của người tiêu dùng liên quan đến sự giảm sử dụng năng lượng. Ảnh hưởng của các hệ phái tôn giáo và vốn xã hội đối với việc dự đoán các hành động “công dân” (*actions civiques*) cũng được phân tích. Sự so sánh dựa trên các cuộc điều tra dân số Australia đã được tiến hành năm 2006 và năm 2011. Các Kitô hữu đi lễ nhà thờ có thái độ và hành động tương tự hoặc thân thiện với môi trường hơn một chút so với người dân Australia nói chung. Vốn xã hội đã được chứng minh là một yếu tố mạnh hơn để dự báo hành động, chủ yếu là các hành động công dân chứ không phải thái độ đối với sinh thái

* Commonwealth Scientific and Industrial Research Organisation (CSIRO) et University of Western Sydney, Australie.

** NCLS Research, Australian Catholic University, Australie.

*** Les attitudes face aux changements climatiques et les actions pour la décroissance énergétique des chrétiens pratiquants: les effets des persuasions religieuses et du capital social. *Social Compass*. Volume 62, Number 3, September 2015.

¹ Theo từ điển Urban: religious persuasion: thường dùng để đề cập tới hệ phái/denomination (chủ thích của người dịch).

hoặc các hệ phái tôn giáo. Chuẩn mực trách nhiệm của Kitô hữu đối với môi trường cũng là một yếu tố quan trọng dự báo hành động. Các nhà lãnh đạo tôn giáo đóng vai trò quan trọng trong việc ủng hộ những chuyển đổi tích cực về mặt thái độ cũng như hành động bởi vì họ đại diện cho các nguồn thông tin đáng tin cậy về biến đổi khí hậu.

Từ khóa: hành động; giảm tiêu thụ năng lượng; thái độ; biến đổi khí hậu; vốn xã hội; Kitô hữu; đi lễ nhà thờ.

Đặt vấn đề

Tại Australia, ngày càng có nhiều cuộc thăm dò ý kiến về thái độ của công chúng đối với biến đổi khí hậu (changements climatiques) nhằm tăng cường tranh luận xã hội và chính trị hóa vấn đề biến đổi khí hậu. Một khảo cứu về 22 cuộc khảo sát quốc gia được thực hiện từ năm 2008 đến 2010 (Leviston và các tác giả khác, 2011) đã kết luận rằng đại đa số người dân Australia tin rằng khí hậu đang thay đổi nhưng chỉ một nửa trong số họ cho rằng những thay đổi chủ yếu liên quan đến hoạt động của con người. Để có thể đưa ra nhận định từ các số liệu thống kê này thì cần so sánh số liệu đó với các quốc gia khác trong cùng một khoảng thời gian. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng câu trả lời chủ yếu phụ thuộc vào việc xây dựng bảng hỏi (Greenhill và các tác giả khác, 2013). Khi khung bảng hỏi đồng nhất, chúng tôi nhận thấy rằng ở Australia niềm tin vào việc biến đổi khí hậu do hoạt động của con người đã giảm từ năm 2008 đến năm 2011 nhưng đã ổn định kể từ đó (Leviston và các tác giả khác, 2013). Tỷ lệ này cũng tương tự như ở Vương quốc Anh và Mỹ (Leviston và các tác giả khác, 2011). Sự khác biệt duy nhất về nhân khẩu học là phụ nữ dường như tin vào sự thay đổi khí hậu do con người gây ra nhiều hơn nam giới. Niềm tin về biến đổi khí hậu có liên quan chặt chẽ đến sự ưu tiên chính trị (Leviston và các tác giả khác, 2013).

Hành động để giảm năng lượng¹ (décroissance énergétique) đang lan rộng hơn. Phần lớn mọi người thực hiện các biện pháp

trực tiếp để giảm năng lượng trong khu vực tư nhân, ví dụ, giảm tiêu thụ năng lượng hoặc giảm sử dụng xe hơi (Leviston và Walker, 2012). Các hành động khác như tái chế và sử dụng nước một cách hợp lý có thể có tác động gián tiếp đến việc giảm sản xuất và vận chuyển. Các hành động công dân hoặc trong lĩnh vực công như bỏ phiếu cho vấn đề môi trường (21%) hoặc trở thành hội viên của một tổ chức môi trường (5%), ít phổ biến hơn, cũng tác động đến sự suy giảm năng lượng bằng cách tăng nhận thức cộng đồng về các vấn đề môi trường và gây sức ép với các chính phủ phải can thiệp vào cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

Theo xu hướng quốc tế, dường như ở Australia, những Kitô hữu đi lễ nhà thờ thuộc các hệ phái có ảnh hưởng hơn ngày càng tăng mối quan tâm lo ngại về môi trường. Các hệ phái và Hội đồng các giáo hội quốc gia (National Council of Churches) đã có các tuyên ngôn về môi trường, trong đó có tuyên bố liên quan tới sự biến đổi khí hậu kêu gọi các thành viên quan tâm đến trái đất và hành động hào phóng đối với các cộng đồng nhân loại chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Các sáng kiến đại kết bao gồm các chương trình “Nhiệm vụ sinh thái” (EcoMission) của Hội đồng các giáo hội quốc gia và lễ hội hàng năm “Mùa Sáng tạo” (Season of Creation).

Các hành động sinh thái thực tiễn đang diễn ra ở cấp địa phương và vùng như chương trình giáo dục, kiểm soát năng lượng, lắp đặt các tấm pin mặt trời và vườn cộng đồng. Hiện nay, nhiều tổ chức cứu trợ và nhân đạo Kitô giáo quốc tế như Hoàn Cầu Khải Thượng (World Vision), Bác ái xã hội (Caritas), Các tổ chức từ thiện xã hội (TEAR Australia, Uniting World) đã tham gia vào phổ biến nhận thức về biến đổi khí hậu và/ hoặc vận động chính trị với lý do vì những hậu quả của biến đổi khí hậu đối với người nghèo và sự khuyến khích của giáo hội quốc tế. Xem xét, đánh giá thái độ và hành động vì môi trường của các Kitô hữu Australia đi lễ nhà thờ đã có sẵn tại “Khảo sát quốc gia về đời sống giáo hội” (National Church Life Survey- NCLS). Cuộc khảo sát này thu thập dữ liệu

của khoảng 20 hệ phái Kitô giáo (Công giáo, Anh giáo, Tin lành) trên khắp đất nước và từ bản thống kê hàng năm kể từ năm 1991. Các cuộc khảo sát về những người đi lễ nhà thờ (Attender Surveys) được hoàn thành từ khoảng 200.000 đến 400.000 lượt người trả lời ở mỗi đợt khảo sát bao gồm một khảo sát chính và một loạt các khảo sát liên quan đến các mẫu nhỏ hơn, mỗi mẫu là một mẫu xác suất ngẫu nhiên của tất cả những người tham gia. Dựa trên bản thống kê của hai năm gần đây nhất (2006 và 2011), một số khảo sát được tiến hành trên các mẫu nhỏ hơn đã nghiên cứu sâu hơn về sự kêu gọi mỗi quan tâm đối với môi trường. Việc xây dựng một số câu hỏi nhất định giống với câu hỏi được sử dụng trong các cuộc điều tra dân số quốc gia do đó có thể sử dụng để so sánh. Bài viết này trình bày kết quả phân tích ba chủ đề chính: (1) Thái độ và niềm tin liên quan tới sự biến đổi khí hậu và môi trường; (2) Hành động đặc biệt với tư cách công dân và người tiêu dùng để giảm năng lượng; và (3) Sự hiện hữu của chuẩn mực liên kết Kitô giáo với chủ nghĩa sinh thái - écologisme¹ (Liệu Kitô hữu phải có trách nhiệm đóng vai trò năng động trong các vấn đề về môi trường hay không?).

Các nghiên cứu khoa học đã xuất bản phần lớn được thực hiện tại Mỹ. Những nghiên cứu này cho thấy mối quan hệ giữa Kitô giáo và chủ nghĩa sinh thái là rất phức tạp. Kitô giáo có tiềm lực khuyến khích, trợ giúp chủ nghĩa sinh thái nhưng cũng cản trở các hoạt động giảm năng lượng. *Một mặt*, có thể nói thần học Do Thái - Kitô giáo (théologie judéo- chrétienne) chịu trách nhiệm về thái độ văn hóa liên quan đến sự thống trị của con người đối với thiên nhiên (White, 1967) và định hướng chính trị bảo thủ chống lại các chính

¹ Theo từ điển La Rousse thuật ngữ “écologisme” được định nghĩa như sau: Quan điểm dành mọi quan tâm đến việc bảo vệ thiên nhiên và nhân loại chống lại sự ô nhiễm, sự suy thoái và sự phá hủy do hoạt động của xã hội công nghiệp. Chủ nghĩa sinh thái có tầm quan trọng chính trị thực sự từ năm 1980, đầu tiên ở Đức, sau đó ở Pháp và trên toàn Liên minh châu Âu. Trong những năm 1990, ảnh hưởng của nó đã được cụ thể hóa bằng sự tham gia của các đảng sinh thái ở một số chính phủ châu Âu. (chú thích của người dịch).

sách sinh thái cũng được ưa chuộng trong nhiều giáo hội (Eckberg và Blocker, 1996). *Mặt khác*, có dấu hiệu cho thấy các giáo hội ở một số quốc gia ngày càng quan tâm tới môi trường và tăng hoạt động vì môi trường (Douglas, 2007; Kearns, 1996). Hơn nữa, các hành động công dân và hành động tiêu dùng đã được chứng minh là khác biệt và thay đổi so với trước kia (Sherkat và Ellison, 2007; Eckberg và Blocker, 1996; Gardner và Stern, 2002). Sherkat và Ellison minh họa một số phức tạp liên quan đến vấn đề này. Họ đã chỉ ra mối liên kết tích cực giữa Chủ nghĩa bảo thủ Kitô giáo (le conservatisme chrétien) và niềm tin vào sự quản lý (niềm tin rằng thiên nhiên cần được bảo vệ bởi vì nó được tạo ra bởi Thiên Chúa). Sự liên kết này đã khuyến khích hành động sinh thái của người tiêu dùng vì nó củng cố niềm tin vào sự nghiêm trọng của các vấn đề môi trường. Tuy nhiên, Chủ nghĩa bảo thủ Kitô giáo duy trì mối quan hệ chặt chẽ với chủ nghĩa bảo thủ chính trị, từ đó ngăn cản các hành động sinh thái của công dân và người tiêu dùng. Do đó, cần phải đo lường mức độ tuân giữ lề luật tôn giáo và sự gắn kết tôn giáo (xác định hệ phái, Chủ nghĩa bảo thủ tôn giáo). Các tôn giáo/ tín ngưỡng (les spiritualités) không thuộc nhóm có niềm tin Kitô giáo cũng liên quan đến hành động vì môi trường (Taylor, 2001; Brown và Kasser, 2005; Farrell, 2013). Dữ liệu của Khảo sát quốc gia về đời sống giáo hội cho thấy sự phức tạp này.

Vốn xã hội là một liên kết tiềm năng quan trọng khác giữa thực hành tôn giáo và hành động vì môi trường. Các giáo hội dường như có tác động có lợi đối với việc tích lũy vốn xã hội thông qua sự gắn kết và kết nối. Ví dụ, Putnam và Campbell (2010) quan sát thấy rằng, ở Mỹ, những người đi lễ nhà thờ không chỉ tham gia vào các hoạt động tôn giáo mà còn chứng minh tỷ lệ tham gia mang tính tình nguyện và công dân cao hơn trong cộng đồng nói chung. Các trường hợp ngoại lệ là những người thuộc về nhóm vốn xã hội với mức độ niềm tin rất cao và những người không thuộc về các hệ phái tôn giáo (Taniguchi và Thomas, 2010; Lyer và các tác giả khác, 2005). Thực hành tôn giáo ở Australia ít phổ biến hơn ở Mỹ

chỉ với 15% tham dự hàng tháng năm 2009 (Powell và các tác giả khác, 2012). Do đó, có thể vốn xã hội mang tính gắn kết là đặc biệt mạnh mẽ bởi vì các giáo đoàn/hội đoàn (congregations) tích cực thúc đẩy sự chia sẻ niềm tin và giá trị chung và các giáo đoàn cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tình nguyện trong cộng đồng nói chung, điều đó đóng góp cho vốn xã hội mang tính liên kết (Lyons và Nivison-Smith, 2006; Leonard và Bellamy, 2006). Tuy nhiên, vốn xã hội chỉ tăng cường việc bảo vệ môi trường khi nó phù hợp với các chuẩn mực của nhóm (Buys và các tác giả khác, 2011; Leonard và Onyx, 2003). Vì thế, sự tồn tại của một giá trị hoặc chuẩn mực chung liên kết niềm tin tôn giáo với môi trường có thể đóng một vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các hành động sinh thái của các Kitô hữu đi lễ nhà thờ. Chúng tôi cho rằng sự tạo ra các mối liên kết trong các giáo đoàn chỉ có ảnh hưởng tích cực đến hành động sinh thái khi đó là một giá trị xác thực hay chuẩn mực về môi trường.

Các câu hỏi nghiên cứu

1. Thái độ đối với biến đổi khí hậu và hành động để giảm năng lượng của các Kitô hữu đi lễ nhà thờ ở Australia là gì? Làm thế nào để có thể so sánh thái độ và hành động đó với những người dân Australia khác?

2. Mức độ khác biệt tôn giáo (hệ phái, cách tiếp cận đức tin, tình cảm tôn giáo, tâm linh tôn giáo khác) và vốn xã hội gắn kết và liên kết đưa tới sự thay đổi hành động để giảm năng lượng? Giả thiết cho rằng sự khác biệt tôn giáo và vốn xã hội ảnh hưởng đến các hành động, nhưng đó chỉ là vốn xã hội gắn kết khi chuẩn mực trách nhiệm của Kitô hữu đối với môi trường được hiện diện.

Phương pháp nghiên cứu

Bộ dữ liệu

Nguồn dữ liệu là các cuộc phỏng vấn (enquêtes) được tiến hành trên các mẫu nhỏ và kết quả của các cuộc thăm dò (issues des sondages) do Khảo sát Quốc gia về Đời sống Giáo hội (National

Church Life Survey-NCLS) thực hiện năm 2006 và 2011. Những cuộc điều tra này nhằm vào sự tham gia trong giáo đoàn, đức tin, các cơ quan có thẩm quyền, nhân khẩu học, tham gia vào cộng đồng lớn, thái độ và hành động vì các vấn đề môi trường. “Khảo sát người đi lễ nhà thờ H” (Attender Survey H) năm 2006, vốn xã hội và các vấn đề sinh thái đã được kết hợp với nhau do đó có thể kiểm tra giả thiết về vốn xã hội.

Các đặc điểm nhân khẩu học của những người đi lễ nhà thờ (giữ cân bằng với dân số trên thực tế; Pepper và các tác giả khác) trong các cuộc khảo sát năm 2006 và 2011 được thể hiện trong Bảng 1.

Sự phát triển của các phương pháp thang đo

Trong phân tích cuộc “Khảo sát người đi lễ nhà thờ H”, các thang đo đã được phát triển bằng cách sử dụng phân tích các nhân tố khám phá/ thăm dò (facteurs exploratoires), tiếp theo là phân tích nhân tố duy trì (une analyse factorielle confirmatoire) với ước tính khả năng tối đa Mplus cho các hành động như: hành động sinh thái (đã được chia thành hành động của người tiêu dùng và hành động công dân, bao gồm các chỉ số giảm năng lượng trực tiếp và gián tiếp), tính cấp bách sinh thái và tình cảm tôn giáo (la religiosité- được chia thành tình cảm tôn giáo của các Kitô hữu và tình cảm tôn giáo của các tín đồ thuộc tôn giáo khác). Hệ số H (Coefficient H), thước đo độ tin cậy, được tính toán tham chiếu với Hệ số alpha của Cronbach (coefficient alpha de Cronbach) để tránh các giả thiết liên quan tới các yếu tố phương sai tương đương (variance équivalente). Thang đo vốn xã hội của Leonard và Bellamy (2010) đã được thể hiện qua dữ liệu hiện tại. Các thang đo được tính từ 0 tới 1 (Xem Bảng 2).

Bảng 1. Các đặc điểm nhân khẩu học của những người đi lễ nhà thờ theo Khảo sát Quốc gia về Đời sống Giáo hội (NCLS) và dân số của Australia (15 tuổi trở lên) theo điều tra dân số quốc gia.

Biến số	NCLS 2006 %	NCLS 2011 %	Điều tra dân số 2011 %
Tuổi			
15-29	15	14	25
30-49	26	25	35
50-69	36	36	28
70+	23	25	12
Giới tính			
Nữ	60	60	51
Nam	40	40	49
Đất nước nơi sinh			
Australia	72	67	70
Các nước nói tiếng Anh khác	10	10	II
Các nước không nói tiếng Anh	18	23	20
Tình trạng công việc			
Có việc làm	48	51	54
Thất nghiệp	3	3	3
Trình độ học vấn			
Có bằng đại học	27	33	24
Hệ phái ^{a, b}			
Anh giáo	12	12	17
Baptiste/Các giáo hội Chúa Kitô	10	10	2
Công giáo	49	47	25
Luther	3	2	1
Ngũ tuần	10	13	1
Uniting	8	8	5
Các hệ phái Tin Lành khác	9	7	6
Chi tiết về cuộc điều tra			
Số lượng người tham gia	400 000	270 000	
Số lượng giáo đoàn	5 200	3 200	
Số lượng hệ phái	22	23	
^a Hệ phái theo NCLS là sự thuộc về/ gắn kết với hệ phái của giáo hội tham gia sinh hoạt (église fréquente).			
^b Hệ phái theo Điều tra dân số và nhà ở của Australia năm 2011 đề cập đến sự gắn kết tôn giáo (kể cả những người không bao giờ đi nhà thờ) và liên quan đến toàn bộ dân số, không chỉ những người trên 15 tuổi.			

Bảng 2. Mô tả các biến số và thang đo^a về môi trường, tôn giáo và vốn xã hội của cuộc “Khảo sát người đi lễ nhà thờ H” năm 2006 (2006 Attender Survey H).

Hành động công dân: 4 yếu tố, Trung bình ,18 (,19) Hệ số H=,737

Công việc tình nguyện hoặc thành viên của các nhóm bảo tồn/sinh thái/quyền động vật, có thể kết hợp với một nhóm sinh thái, là có hiệu quả (actif) liên quan đến các vấn đề sinh thái

Hành động của người tiêu dùng: 6 yếu tố, Trung bình ,32 (,23) Hệ số H=,796

Tái chế, sản xuất phân bón, giảm sử dụng các thiết bị gia dụng chạy bằng điện, giảm sử dụng xe cơ giới, giám sát cá nhân, mục tiêu giảm thiểu cá nhân

Vốn xã hội gắn kết: 5 yếu tố, Trung bình, 32 (,27) Hệ số H=,783

Tham gia vào bất kỳ hoạt động nhóm nào, vai trò lãnh đạo, khuyến khích của người lãnh đạo, giờ dành cho công việc tình nguyện trong giáo đoàn, số lượng bạn bè thường giao lưu

Vốn xã hội liên kết: 5 yếu tố, Trung bình, 30 (,25) Hệ số H=,822

Giờ dành cho công việc tình nguyện cộng đồng, thành viên của các tổ chức cộng đồng, các tổ chức khác nhau mà họ tình nguyện tham gia, giao thiệp với một công chức, dịch vụ cộng đồng

Tình trạng khẩn cấp về môi trường: 7 yếu tố, Trung bình, 70 (,21) Hệ số H=,886

Ô nhiễm, sự lãng phí, khai thác gỗ, động vật hoang dã, đất, hiệu ứng nhà kính, thực phẩm biến đổi gen

Mối quan tâm lo lắng về sinh thái (biến số)

Tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm nên là ưu tiên hàng đầu, thậm chí môi trường chịu ảnh hưởng ở một mức độ nào đó hoặc Bảo vệ môi trường phải được ưu tiên, thậm chí việc đó làm giảm tăng trưởng kinh tế

Tình cảm tôn giáo của Kitô hữu: 4 yếu tố, Trung bình, 78 (,20) Hệ số H=,690

Tình cảm dành cho giáo đoàn, lòng mộ đạo của cá nhân, tầm quan trọng của Thiên Chúa, sự ảnh hưởng của Thiên Chúa

Tình cảm tôn giáo của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác: 4 yếu tố, Trung bình, 15 (,21) Hệ số H=,874

Tâm linh khác, Tư tưởng Phật giáo, sự kết nối tâm linh với trái đất, không có niềm tin tôn giáo (mã hóa ngược- codification inversée)

Trách nhiệm Kitô hữu (biến số)

Bạn có cho rằng Kitô hữu có trách nhiệm tích cực trong các vấn đề sinh thái?

Đức tin (biến số)

Năm nhóm (các biến riêng biệt cho phép có nhiều câu trả lời): Công giáo/ Công giáo Anh; Phúc Âm hoặc Cải Cách; ôn hòa hoặc tự do; Ân Tứ hoặc Ngũ Tuần và truyền thống.

Hệ phái (biến số)

Công giáo, Anh giáo, Giáo hội hợp nhất (Uniting Church), Baptist và các Giáo hội Chúa Kitô, Ngũ Tuần và các giáo hội Tin Lành khác

Phân tích

A. Các giá trị thống kê (valeurs statistiques pondérées) về thái độ sinh thái, thái độ đối với biến đổi khí hậu và các hành động giảm năng lượng trong năm 2006 và 2011 được đưa ra. Để so sánh theo thời gian và với toàn bộ dân số Australia, tầm mức ảnh hưởng/hiệu ứng được tính toán thông qua việc sử dụng ϕ hoặc v của Cramer (,1 yếu, ,3 trung bình, ,5 mạnh) và d của Cohen (,2 yếu, ,5 trung bình, ,8 mạnh) cho X^2 và các thử nghiệm của t tương ứng, trong đó các hiệu ứng yếu giải thích 1 phần trăm phương sai (variance); các hiệu ứng trung bình giải thích 10 phần trăm và các hiệu ứng mạnh giải thích 25 phần trăm (Cohen, 1992).

B. Để đánh giá sức mạnh của vốn xã hội và các biến số tôn giáo để dự đoán hai thang đo hành động (cùng với bộ dữ liệu không trọng số cho cuộc “Khảo sát người đi lễ nhà thờ H” năm 2006, mối tương quan hai biến đã được thử nghiệm và chứng minh có ý nghĩa. Sự hồi quy sau đó được thực hiện cho các thang đo hành động với các biến độc lập được đưa vào trong các phân tích trình tự của các

hỏi quy theo các nhóm (blocs) sau:

1: Dữ liệu nhân khẩu học (Bảng 1)

2: Thái độ đối với sinh thái

3: Các biến số liên quan tới tôn giáo

4: Các biến số liên quan tới vốn xã hội - sự tương tác giữa mối liên kết về sự sáng tạo và trách nhiệm Kitô hữu.

Căn cứ vào quy mô mẫu lớn, mức/ngưỡng có thể biểu đạt đã được xác định ,01.

^a Các thang đo được in đậm và các thống kê mô tả được đưa ra cũng như các hệ số độ tin cậy.

Bảng 3. Thống kê mô tả về thái độ đối với biến đổi khí hậu và các hành động để giảm năng lượng của những người đi lễ nhà thờ và người dân Australia

	Người đi lễ nhà thờ		Người dân Australia ^a	Sự khác biệt đáng kể về quy mô hiệu ứng
	2006 N= 1 412	2011 N= 1 473	2011 N= 5 030	
Các câu hỏi trong bảng phỏng vấn				
Thái độ đối với biến đổi khí hậu				
<i>Trong số các ý kiến dưới đây, ý kiến nào mô tả đúng nhất suy nghĩ của bạn về biến đổi khí hậu?</i>				p<,0005 d=,10 yếu
Tôi cho rằng sự biến đổi khí hậu đang diễn ra và nguyên nhân chủ yếu do con người.		44%	43%	
Tôi cho rằng sự biến đổi khí hậu đang diễn ra, nhưng đó chỉ là sự biến động tự nhiên của nhiệt độ.		38%	45%	
Tôi không có ý kiến gì về việc liệu sự biến đổi khí hậu đang diễn ra hoặc không diễn ra.		9%	5%	
Tôi không nghĩ rằng sự biến đổi khí hậu đang diễn ra.		8%	7%	
<i>Tôi cảm thấy có nghĩa vụ đạo đức cần phải làm gì đó đối với biến đổi khí hậu</i>		53%	42%	p<,0005 d=,35 yếu
Đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý				

^aLeviston and Walker (2012).

Vấn đề biến đổi khí hậu có quan trọng đối với cá nhân bạn?		42%	31%	p<,0005	
Quan trọng hoặc rất quan trọng				d=,43 yếu	
Theo ý kiến của bạn, bạn sẽ mô tả như thế nào về sự lo lắng của bạn đối với sự khẩn cấp sinh thái mà đất nước bạn đối đầu? (1 = không khẩn cấp, 5 = khẩn cấp)					
Các hiệu ứng nhà kính năm 2006/ Sự biến đổi khí hậu năm 2011	M=4,0	M=3,3		p<,0005 d=,51 trung bình	
Các vấn đề sinh thái khác (sự lãng phí, động vật hoang dã, đất, bảo tồn)	M=3,8	M=3,6		p<,0005 d=,18 không đáng kể	
Quan tâm lo lắng sinh thái: chọn bảo vệ môi trường ngay cả khi nó làm chậm nền kinh tế	81%	68%		p<,0005 φ=, 14 yếu	
Bạn có cho rằng các Kitô hữu phải tích cực với các vấn đề môi trường/ sinh thái? vâng	72%	81%		p<,0005 φ=, 10 yếu	
Dưới đây là danh sách các vấn đề ngày nay Australia đang phải đương đầu. Xin vui lòng chỉ ra mức độ quan trọng đối với từng vấn đề. (1= không quan trọng, 5 = rất quan trọng) Môi trường		M=4,1 Rank 13/15			
Mức độ tin tưởng của bạn vào các tổ chức hoặc cá nhân sau đây khi họ cho bạn biết sự thật về biến đổi khí hậu: tin tưởng hoặc rất tin tưởng					
Các nhà khoa học (các học giả thuộc các trường đại học trong cuộc khảo sát toàn bộ dân số Australia)		64%	49%	p<,00005 d=,31 yếu	
Các tổ chức sinh thái		52%	33%	p<,00005 d=,49 trung bình	
Bạn bè và gia đình		51%	29%	p<,00005 d=,70 trung bình	
Lãnh đạo tôn giáo		50%			
Mọi người trong giáo hội của bạn		44%			
Các bác sĩ		38%	20%	p<,00005 d=,75 trung bình-mạnh	
Chính phủ		29%	12%	p<,00005 d=,75 trung bình-mạnh	
Giảm năng lượng một cách trực tiếp - Hành động của người tiêu dùng Bạn hoặc hộ gia đình của bạn đã thực hiện bất kỳ biện pháp nào sau đây để giảm tác động của bạn đến môi trường chưa?					
(Đánh dấu vào TẤT CẢ các vấn đề được đề cập) Lưu ý rằng vấn đề này đã có trong bảng hỏi của khảo sát toàn dân với 3 lựa chọn: có , vì lý do sinh thái, có , vì các lý do khác, không					
Giảm sử dụng điều hòa không khí, máy sấy quần áo và các thiết bị sử dụng điện khác	42%				

Giảm sử dụng xe cộ giới cá nhân	28%			
Lắp đặt lò sưởi năng lượng mặt trời	8%			
Tôi tắt đèn trong nhà bất cứ khi nào có thể		79%	38%	$p < .00005$ $\phi = .35$ trung bình
Tôi đã giảm lượng khí gas và/hoặc điện mà tôi sử dụng trong nhà		55%	31%	$p < .00005$ $\phi = .20$ mạnh
Giảm năng lượng một cách gián tiếp - Hành động của người tiêu dùng <i>Bạn hoặc hộ gia đình của bạn đã thực hiện bất kỳ biện pháp nào sau đây để giảm tác động của bạn đến môi trường chưa?</i> (Đánh dấu TẤT CẢ các vấn đề được đề cập)				
Thường xuyên sử dụng các dịch vụ tái chế rác thải đô thị	83%			
Sản xuất phân bón từ thực phẩm thừa	40%			
Lắp đặt bể chứa nước mưa/ tái sử dụng nước	24%			
Đặt mục tiêu cá nhân để giảm tác động đến môi trường	15%			
Tôi đã thực hiện đánh giá những tác động của cá nhân đối với môi trường	4%			
Tôi đã giảm lượng nước sử dụng trong nhà và ngoài vườn		66%	42%	$p < .00005$ $\phi = .20$ yếu
Hiện nay, tôi mua sản phẩm thân thiện hơn với môi trường		40%	51%	$p < .00005$ $\phi = .09$ không đáng kể
Hầu hết các sản phẩm làm sạch/ chăm sóc của tôi là sinh thái		37%	46%	$p < .00005$ $\phi = .08$ không đáng kể
Giảm năng lượng một cách gián tiếp- Hành động của công dân <i>Trong năm năm qua, bạn đã thực hiện một hoặc một số hành động sau đây?</i> (Đánh dấu tất cả các vấn đề được đề cập)				
Tôi đã tham gia một sự kiện sinh thái (ví dụ: "Giờ trái đất")		23%	34%	$p < .00005$ $\phi = .10$ yếu
Tôi đã bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử chính phủ trên cơ sở vấn đề sinh thái		22%	23%	NS
Tôi đã tham gia vào một hoạt động sinh thái (ví dụ: Bảo vệ đất, tái sinh thảm bụi rậm Australia)		10%	13%	$p = .004$ $\phi = .04$ không đáng kể
Tôi đã giao thiệp với một thành viên của chính phủ được bầu về vấn đề môi trường/ sinh thái		8%	7%	NS
Tôi đã là thành viên của một nhóm hoặc một phong trào về môi trường/ sinh thái	5%	5%	6%	NS
Bạn có cho rằng các Kitô hữu phải tích cực trong các vấn đề về môi trường/ sinh thái? vâng, và tôi đã hoạt động tích cực	17%	33%		$p < .0005$ $\phi = .18$ yếu

Bảng 4. Mối quan hệ hai biến giữa các hành động sinh thái và môi trường, vốn xã hội và các biến liên quan đến tôn giáo.

	Hành động của người tiêu dùng	Hành động công dân
Tình trạng khẩn cấp sinh thái	$r=,212^{***}$	$r=,202^{***}$
Quan tâm tới tầm quan trọng của môi trường	$F(1,3398)=356,9^{***}$ $\eta^2=,01$	$F(1,3398)=87,8^{***}$ $\eta^2=,03$
(không phải là kinh tế) đã đạt điểm cao hơn		
Trách nhiệm Kitô hữu là tích cực trong các vấn đề sinh thái đã đạt điểm cao hơn	$F(1,3398)=299,5^{***}$ $\eta^2=,08$	$F(1,3398)=419,2^{***}$ $\eta^2=,11$
Tiếp cận đức tin: tin đồ thuộc các hệ phái tự do hoặc ôn hòa đã đạt điểm cao hơn	$F(1,3398)=80,6^{***}$ $\eta^2=,02$	$F(1,3398)=46,5^{***}$ $\eta^2=,01$
Tiếp cận đức tin: tin đồ thuộc các hệ phái phúc âm hoặc cải cách đã đạt điểm cao hơn cho hành động của người tiêu dùng	$F(1,3398)=12,2^{***}$ $\eta^2<,01$	
Hệ phái: Giáo hội Anh giáo và Giáo hội Thống nhất có điểm số cao hơn	$F(8,3394)=9,6^{***}$ $\eta^2=,01$	$F(5,3394)=6,3^{**}$ $\eta^2=,01$
Tình cảm tôn giáo của các tín đồ thuộc Kitô giáo	$r=,138^{**}$	$r=,054^*$
Tình cảm tôn giáo của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác	$r=,051^*$	$r=,113^{**}$
Vốn xã hội liên kết	$r=,278^{***}$	$r=,308^{***}$
Vốn xã hội gắn kết	$r=,150^{**}$	$r=,114^{**}$
Tương tác giữa mối quan hệ sự sáng tạo và trách nhiệm Kitô hữu	$r=,232^{***}$	$r=,274^{***}$
* $p<,01$ ** $p<,001$ *** $p<,0005$		

Bảng 5. Các biến số quan trọng dự đoán các hành động công dân và hành động của người tiêu dùng.

Biến số dự đoán ⁱ	Hành động của người tiêu dùng Beta STD	Hành động của công dân Beta STD
Giới tính (nữ)	,058***	Không đáng kể

ⁱ Các biến dự báo không đáng kể cho mỗi biến phụ thuộc là: việc làm, hệ phái và sự tiếp cận bốn nhóm đức tin (Công giáo/ Công giáo Anh; Phúc Âm hoặc Cải Cách; Ân Tứ hoặc Ngũ Tuần và truyền thống).

Nguyên quán (Australia)	,045*	Không đáng kể
Nhóm tuổi trẻ nhất	-,069***	Không đáng kể
Giá trị sinh thái	,205***	Không đáng kể
Tình trạng khẩn cấp sinh thái	,115***	,112***
Đặc tính tôn giáo tự do-ôn hòa	,086***	,049*
Tình cảm tôn giáo của các tín đồ thuộc Kitô giáo	,053*	Không đáng kể
Tình cảm tôn giáo của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác	Không đáng kể	,094***
Trách nhiệm Kitô hữu	,064*	,164***
Vốn xã hội liên kết	,179***	,262***
Vốn xã hội gắn kết	Không đáng kể	-,124***
Vốn xã hội gắn kết bởi trách nhiệm Kitô hữu	Không đáng kể	,134***
*p<,01**p<,001 **p<,0005		

Kết quả

Thái độ đối với biến đổi khí hậu và hành động để giảm năng lượng: so sánh theo thời gian và với toàn bộ người dân Australia

Thái độ của những người đi lễ nhà thờ cũng tương tự như người dân Australia đối với biến đổi khí hậu và các hành động liên quan đến việc giảm năng lượng (Bảng 3). Mặc dù có sự khác biệt đáng kể đối với tất cả các biến, nhưng trong hầu hết các trường hợp, tầm mức ảnh hưởng (ampleur des effets) là nhỏ. Sự khác biệt với các ảnh hưởng/hiệu ứng không đáng kể (phương sai <1%) có thể bị bỏ qua vì lý do thực tiễn. Đối với các biến số mà sự ảnh hưởng/ hiệu ứng nhỏ hoặc trung bình, những người đi lễ nhà thờ quan tâm nhiều hơn đến biến đổi khí hậu, ví dụ, họ có khuynh hướng coi trọng

trách nhiệm đạo đức. Tỷ lệ như nhau giữa những người tin rằng biến đổi khí hậu là do con người gây nên và những người không tin vào điều đó. Tuy nhiên, số lượng nhiều hơn một chút những người đi lễ nhà thờ cho biết rằng họ không được thông báo về biến đổi khí hậu và ít thấy xu hướng cho rằng sự biến đổi khí hậu là do tiến trình của tự nhiên. Ít người trả lời rằng họ đã tham gia vào các hành động vì môi trường, sinh thái. Tỷ lệ những người tham gia các hành động công dân cũng tương tự. Những người đi lễ nhà thờ có xu hướng tham gia nhiều hơn vào các hành động để giảm năng lượng; đặc biệt, nhiều khả năng họ đã tắt đèn để có tác động có lợi cho môi trường (hiệu ứng trung bình). Tuy nhiên, cần phải tính đến sự khác biệt nhỏ trong cách diễn đạt các câu hỏi khi đề cập đến vấn đề giảm năng lượng trực tiếp. Những người trả lời cuộc Khảo sát Quốc gia về Đời sống Giáo hội (NCLS) có lẽ đã đồng ý rằng nếu hành động được thực hiện một phần vì lý do môi trường/ sinh thái trong khi khảo sát toàn bộ dân số yêu cầu rằng hành động phần lớn là vì lý do môi trường/ sinh thái.

Những người đi lễ nhà thờ cho thấy khác biệt rõ rệt với người dân Australia khác về vấn đề độ tin cậy của các nguồn thông tin về sự biến đổi khí hậu. Những người đi lễ nhà thờ có niềm tin hơn (sự phổ rộng của các hiệu ứng từ trung bình đến mạnh trong một số câu hỏi). Cả hai nhóm có niềm tin nhiều hơn vào các nhà khoa học theo sau là các nhóm bảo vệ môi trường, bạn bè, bác sĩ và chính phủ. Các nhà lãnh đạo Giáo hội đã nhận được mức độ tin cậy tương tự như từ bạn bè, gia đình và các tổ chức môi trường.

Hai câu hỏi cho thấy sự suy giảm mối quan tâm lo lắng tới sự biến đổi khí hậu và môi trường từ năm 2006 đến 2011. Năm 2011, những người trả lời có xu hướng ủng hộ nền kinh tế hơn so với môi trường (hiệu ứng yếu) (so sánh với năm 2006) và cũng chỉ ra rằng các vấn đề biến đổi khí hậu là cấp bách (hiệu ứng trung bình). So với năm 2006, các vấn đề sinh thái khác được coi là cấp bách hơn so với sự biến đổi khí hậu. Mặt khác, năm 2011, người được hỏi nghĩ rằng môi trường là trách nhiệm của Kitô hữu nhiều hơn và số

lượng nhiều hơn những người trong số họ đã tích cực trong các vấn đề sinh thái (hiệu ứng yếu).

Kết quả cũng cho thấy tầm quan trọng của việc biên soạn các câu hỏi. Ví dụ, khi môi trường được đặt trong danh sách các vấn đề xã hội, nó chỉ được xếp thứ 13 trong số 15 vấn đề mà Australia phải đối mặt. Điều này phù hợp với các khảo sát khác của Australia chỉ ra rằng mối quan tâm tới tâm sinh là thấp nhất so với các chủ đề khác (Leviston và cộng sự, 2011).

Thái độ sinh thái, sự khác biệt tôn giáo, vốn xã hội và hành động để giảm năng lượng

Bảng 4 cho thấy tất cả các mối quan hệ giữa hai biến số các hành động giảm năng lượng, thái độ sinh thái và các biến số vốn xã hội là đáng chú ý. Cách tiếp cận đức tin đáng chú ý duy nhất là những người thuộc nhóm đức tin tự do- ôn hòa (modérées-libérales) và phúc âm-cải cách (évangéliques-réformées). Tình cảm tôn giáo của Kitô giáo và của các tôn giáo khác được liên kết yếu nhưng tích cực với các hành động sinh thái. Người trả lời thuộc Anh giáo và giáo hội Thống nhất có điểm số cao hơn.

Trong các phân tích đa biến, cả nhóm biến số liên quan đến tôn giáo và nhóm biến số liên quan đến vốn xã hội đã đóng góp đáng kể cho các mô hình hành động².

Trường hợp các hành động của người tiêu dùng (Bảng 5), vốn xã hội liên kết là một yếu tố dự báo quan trọng nhưng không tạo ra các mối liên kết, dù vốn xã hội liên kết bị cô lập hay tương tác với chuẩn mực trách nhiệm của Kitô hữu. Cách tiếp cận đối với đức tin tự do- ôn hòa (la foi modérée- libérale), tình cảm tôn giáo của Kitô hữu mạnh mẽ hơn và chuẩn mực trách nhiệm Kitô hữu là những biến số tôn giáo quan trọng. Gắn tầm quan trọng của môi trường hơn kinh tế và tình trạng khẩn cấp sinh thái là rất có ý nghĩa. Trong số các biến số nhân khẩu học, nữ giới, không thuộc nhóm tuổi trẻ nhất và được sinh ra ở Australia là những yếu tố dự báo tích cực. Do đó, trong trường hợp hành động của người tiêu dùng, giả thiết

được xác thực đối với vốn xã hội liên kết và không liên kết.

Trường hợp các hành động công dân (Bảng 5), giả thiết được xác thực đối với vốn xã hội liên kết để sự tương tác giữa việc tạo ra các mối liên kết và trách nhiệm Kitô hữu, cả hai đều có ý nghĩa. Đối với những người tuân thủ chuẩn mực thì môi trường là trách nhiệm của Kitô hữu, một nguồn vốn xã hội gắn kết tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia vào các hành động công dân. Hệ số (coefficient) tiêu cực đối với việc tạo ra các mối liên kết theo cách cô lập chỉ ra rằng trong trường hợp không có chuẩn mực trách nhiệm Kitô hữu, việc tạo ra các mối liên kết có thể dẫn tới xu hướng hạ thấp mức độ hành động công dân. Các dự báo tích cực khác cho hành động công dân thuộc về tình cảm tôn giáo của các tôn giáo khác, sự tiếp cận đối với đức tin tự do - ôn hòa và sự cấp bách môi trường, sinh thái.

Thảo luận

Các phát hiện cho thấy các Kitô hữu đi lễ nhà thờ cũng tương tự như người dân Australia hoặc thậm chí tích cực hơn một chút về thái độ của họ đối với biến đổi khí hậu và hành động để giảm tiêu thụ năng lượng. Bằng chứng về sự suy giảm mối quan tâm lo lắng sự biến đổi khí hậu từ năm 2006 đến năm 2011 là phù hợp/đúng với toàn bộ dân số Australia: nó dường như đã theo xu hướng tăng lớp/giới và đã ổn định kể từ đó (Leviston và các tác giả khác, 2013). Thông tin về các Kitô hữu Australia đi lễ nhà thờ cho thấy họ có xu hướng già hơn, nhiều nữ hơn và được giáo dục tốt hơn so với dân số nói chung và đó có thể là biểu hiện của thái độ ổn định và có trách nhiệm hơn. Đối với các thế hệ lớn tuổi, hành động để giảm tiêu thụ năng lượng có thể củng cố hiệu ứng tính thanh đạm khi mọi người từ chối sự lãng phí và tự mãn. Điều này có thể giải thích tỷ lệ tiết kiệm năng lượng và nước cao hơn của các Kitô hữu đi lễ nhà thờ. Tuy nhiên, một nghiên cứu ở Vương quốc Anh đã phát hiện rằng sự thanh đạm có liên quan đến tình cảm tôn giáo cao hơn mặc dù tuổi tác cũng được tham chiếu (Pepper và các tác giả khác, 2011), điều này cũng phù hợp với kết quả tìm thấy. Ngoài ra, mức

độ tin cậy cao đối với các nguồn thông tin khác nhau về các Kitô hữu đi lễ nhà thờ cùng có những phát hiện trước đó về mức độ cao hơn của vốn xã hội liên kết (Leonard và Bellamy, 2006). Do đó, chúng tôi đưa ra nhận xét rằng phần lớn các Kitô hữu đi lễ nhà thờ được xem là những công dân dân thân và có trách nhiệm (*citoyens engagés et responsables*). Các Kitô hữu tin có sự biến đổi khí hậu và tham gia vào các hành động giảm năng lượng khi các hành động đó được bình thường hóa trong xã hội và đặc biệt là khi các hành động được coi là chuẩn mực Kitô giáo (*norme chrétienne*). Do đó, điều đặc biệt quan trọng là nhận thấy sự gia tăng (hơn 80% cho năm 2011) số lượng những người tin rằng môi trường là trách nhiệm của Kitô hữu.

Phân tích chuyên sâu về mối tương quan giữa người tiêu dùng và hành động công dân và nhiều biến số liên quan đến tôn giáo cho thấy một số điểm tương đồng với mối tương quan quan sát được trong các ấn phẩm ở các quốc gia nói tiếng Anh khác. Mặc dù chúng ta không thấy một hiệu ứng mạnh mẽ nào “thuộc trào lưu chính thống” (*fondamentaliste*) cản trở chủ nghĩa sinh thái (Tarakeshwar và các tác giả khác, 2001; Leiserowitz và các tác giả khác, 2010), sự đối lập của trào lưu này đã được nhận thấy trong tầm quan trọng của cách tiếp cận đức tin tự do hoặc ôn hòa để dự đoán hành động để giảm năng lượng. Tương tự như vậy, mức độ hành động để giảm năng lượng đối với tín đồ Anh giáo và tín đồ thuộc Giáo hội Thống nhất (*Uniting Church*) cao hơn, mặc dù hệ phái không có ý nghĩa trong phân tích đa biến (*l'analyse multivariée*). Kết quả cho thấy ở Australia, thay vì gặp phản ứng tôn giáo bất lợi đối với hoạt động sinh thái, chúng tôi nhận thấy một số nhà lãnh đạo tôn giáo hoặc các nhóm khuyến khích hiệu quả hành động đối với biến đổi khí hậu. Trong các báo cáo của các nghiên cứu khác ở Hoa Kỳ và Anh quốc, tình cảm tôn giáo của Kitô hữu là một yếu tố dự báo tích cực về hành động để giảm năng lượng (Gardner và Stern, 2002; Clements, 2012; Sherkat và Ellison, 2007). Tình cảm tôn giáo của tín đồ các tôn giáo khác

chịu ảnh hưởng của các hệ thống Kitô giáo phi truyền thống về đức tin và kinh nghiệm tôn giáo, cũng có ý nghĩa trong nghiên cứu này khi khảo cứu các hành động công dân.

Nghiên cứu này đã mở rộng sự hiểu biết của chúng ta về các hành động để giảm năng lượng thông qua vốn xã hội. Giống như trong các nghiên cứu đã xuất bản (Portney và Berry, 2010; Pretty và Ward, 2001; Onyx và các tác giả khác, 2004), vốn xã hội là một yếu tố quan trọng dự báo hành động, và quan trọng hơn là phải phân biệt vốn xã hội gắn kết và vốn xã hội liên kết. Giả thiết nghiên cứu đã được xác lập để liên kết, đo lường sự tham gia mang tính cộng đồng của các Kitô hữu đi lễ nhà thờ. Điều này đã chứng minh rằng một yếu tố dự báo cả hai loại hành động để giảm năng lượng, đặc biệt là hành động công dân, ngay cả về mặt nhân khẩu học, các biến liên quan đến tôn giáo và thái độ sinh thái được giám sát. Như chúng ta đã thấy thang đo sự liên kết bao gồm mức độ hoạt động cộng đồng của những người đi lễ nhà thờ, không có gì đáng ngạc nhiên khi có sự liên kết mạnh mẽ giữa các hành động công dân hơn là hành động của người tiêu dùng. Có lẽ điều gây ngạc nhiên đó là vốn xã hội liên kết là một yếu tố dự báo hành động công dân mạnh mẽ hơn thái độ sinh thái hoặc chuẩn mực trách nhiệm của Kitô hữu. Một sự giải thích tạm chấp nhận được đó là mối tương quan giữa thái độ và hành động hiếm khi mạnh mẽ (Whitmarsh, 2009) và thậm chí một thái độ mạnh mẽ sẽ không chuyển thành hành động trừ khi một người có năng lực và sự tin tưởng chắc chắn rằng hành động có thể mang tới hiệu quả (Kaplan, 2000). Sự năng động trong cộng đồng về lĩnh vực mưu cầu hạnh phúc mang tính truyền thống của Kitô giáo có khả năng dẫn tới việc những người đi lễ nhà thờ tham gia vào các hoạt động cộng đồng liên quan đến các vấn đề sinh thái, nhưng có lẽ quan trọng hơn là củng cố niềm tin rằng hành động tập thể là hiệu quả. Như Ostrom (1990) đã đề cập, sự tích cực trong cộng đồng vì bất kỳ lý do gì có thể cung cấp cho mọi người cơ hội giao tiếp lớn hơn, cảm giác tin tưởng mạnh mẽ hơn và một tương lai chung, đó là điều cần thiết để quản lý môi trường.

Chuẩn mực trách nhiệm của Kitô hữu với môi trường đóng vai trò quan trọng bởi sự tương tác giữa chuẩn mực trách nhiệm của Kitô hữu với vốn xã hội gắn kết là tích cực cho các hành động công dân và hành động của người tiêu dùng nhưng nó chỉ có ý nghĩa đối với hành động công dân nếu các biến số khác trong nghiên cứu được tính đến. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu khác về các hiệu ứng tương tác giữa sự nhận diện nhóm và các chuẩn mực cho các nhóm sinh thái (Nigbur và các cộng sự, 2010). Điều này cũng khẳng định các lập luận liên quan đến “hiệu ứng cấp số nhân”, tiềm năng của vốn xã hội thuộc phẩm chất đạo đức làm nổi bật các xu hướng khác (Leonard và Onyx, 2004: 163-164; Onyx và các cộng sự, 2004). Rõ ràng, việc tạo ra các mối liên kết sẽ có hiệu ứng cấp số nhân đối với các hành động nổi bật trong nhóm. Do đó, sự gia tăng liên tục trong việc tăng cường chuẩn mực này có thể là một yếu tố thiết yếu trong sự cam kết tích cực đối với biến đổi khí hậu.

Đối với các hệ phái có hệ thống chức bậc rõ ràng (forte hiérarchie) và cơ cấu phối hợp, sự khích lệ của các nhà lãnh đạo giáo hội có thể giúp thiết lập và củng cố chuẩn mực trách nhiệm Kitô hữu đối với môi trường. Đối với tất cả các hệ phái, sự lãnh đạo của giới chức sắc các giáo hội địa phương là quan trọng. Thật vậy, các nhà lãnh đạo tôn giáo được coi là đáng tin cậy như các tổ chức sinh thái với các nguồn thông tin về biến đổi khí hậu. Kết quả cho thấy rằng khi các thông điệp của các nhà lãnh đạo tôn giáo và các tổ chức sinh thái được đồng bộ hóa với các thông điệp của các nhà khoa học, hiệu ứng tối đa sẽ xảy ra. Sự gia tăng khuếch trương gần đây của các hệ phái chủ lưu là có giá trị nhưng sẽ phải được hỗ trợ bởi các hành động sinh thái thực tế trong các giáo hội. Nếu không, sự khuếch trương có thể chỉ là khuyến khích đạo đức được đặt ra bởi các nhà lãnh đạo tôn giáo, những người không được biết tới trong xã hội ngày nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Giảm năng lượng có thể được định nghĩa ngắn gọn là giảm tiêu thụ để ứng phó với việc giảm tài nguyên và đặc biệt là nhiên liệu hóa thạch.
- 2 Đối với hành động của người tiêu dùng: AR2 cho khối tôn giáo = ,036, $p < ,0005$; AR2 cho khối vốn xã hội = ,028, $p < ,0005$. Đối với hành động công dân: AR2 cho khối tôn giáo = ,083, $p < ,0005$; AR2 cho khối vốn xã hội = ,060, $p < ,0005$. Đối với hai biến phụ thuộc, mô hình cuối cùng với tất cả các khối được dự đoán khoảng 1/5 phương sai (Adj R2 cho hành động của người tiêu dùng = ,196; hành động công dân = ,201).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Brown KW and Kasser T (2005) Are psychological and ecological well-being compatible? The role of values, mindfulness, and lifestyle. *Social Indicators Research* 74(2): 349-368.
- Buys L, Miller E and Megen K (2011) Conceptualising climate change in rural Australia: Community perceptions, attitudes and (in)actions. *Regional Environmental Change* 12(1) : 237-248.
- Clements B (2012) The sociological and attitudinal bases of environmentally-related beliefs and behaviour in Britain. *Environmental Politics* 21(6): 901-921.
- Cohen J (1992) A power primer. *Psychological Bulletin* 112(1) : 155-159.
- Douglas SM (2007) *Is 'green' religion the solution to the ecological crisis? A case study of mainstream religion in Australia*. Unpublished doctoral thesis, Australian National University, Canberra.
- Eckberg DL and Blocker TJ (1996) Christianity, environmentalism, and the theoretical problem of fundamentalism. *Journal for the Scientific Study of Religion* 35(4): 343-355.
- Farrell J (2013) Environmental activism and moral schemas: Cultural components of differential participation. *Environment and Behavior* 45(3) : 399-423.
- Gardner GT and Stem PC (2002) *Environmental problems and human behavior*. Boston, MA : Pearson.
- Greenhill M, Leviston z, Leonard R et al. (2013) Assessing climate change beliefs: Response effects of question wording and response alternatives. *Public Understanding of Science* 23(8): 947-965.
- Kaplan s (2000) Human nature and environmentally responsible behavior. *Journal of Social Issues* 56(3): 491-508.
- Kearns L (1996) Saving the Creation: Christian environmentalism in the United States. *Sociology of Religion* 57(1) : 55-70.
- Leiserowitz A, Maibach E, Roser Renouf C et al. (2010) *Global warming's six Americas*. New Haven, CT : Yale University and George Mason University.

- Leonard R and Bellamy J (2006) Volunteering within and beyond the congregation: A survey of volunteering among Christian church attendees. *Australian Journal of Volunteering* 11(2): 16-24.
- Leonard R and Bellamy J (2010) The relationship between bonding and bridging social capital among Christian denominations across Australia. *Nonprofit Management and Leadership* 20(4): 445-460.
- Leonard R and Onyx J (2003) Networking through loose and strong ties: An Australian qualitative study. *Voluntas* 14(2): 189-204.
- Leonard R and Onyx J (2004) *Social capital & community building: Spinning straw into gold*. London : Janus Publishing.
- Leviston Z and Walker I (2012) *CSIRO second annual survey of Australian attitudes to climate change*. Perth Australia : CSIRO.
- Leviston Z, Leitch A, Greenhill M et al. (2011) *Australians' views of climate change*. Canberra: CSIRO.
- Leviston Z, Walker I and Malkin s (2013) *Third annual survey of Australian attitudes to climate change*. Perth, Australia : CSIRO.
- Lyer S, Kitson M and Toh B (2005) Social capital, economic growth and regional development. *Regional Studies* 39(8): 1015-1040.
- Lyons M and Nivison-Smith I (2006) The relationship between religion and volunteering in Australia. *Australian Journal on Volunteering* 11(2): 25-27.
- Nigbur D, Lyons E and Uzzell D (2010) Attitudes, norms, identity and environmental behaviour: Using an expanded theory of planned behaviour to predict participation in a kerbside recycling programme. *British Journal of Social Psychology* 49(2): 259-284.
- Onyx J, Osburn L and Bullen P (2004) Response to the environment: Social capital and sustainability. *Australasian Journal of Environmental Management* 11 : 212-219.
- Ostrom E (1990) *Governing the commons: The evolution of institutions for collective action*. New York : Cambridge University Press.
- Pepper M, Jackson T and Uzzell D (2011) An examination of Christianity and socially conscious and frugal consumer behaviors. *Environment and Behavior* 43(2): 274-290.
- Pepper M, Sterland s and Powell R (2015, sous presse) Methodological overview of the study of well-being through the Australian National Church Life Survey. *Mental Health, Religion & Culture*. Disponible sur : <http://dx.doi.Org/10.1080/13674676.2015.1009717>.
- Portney KE and Berry JM (2010) Participation and the pursuit of sustainability in U.S. cities. *Urban Affairs Review* 46 : 119-139.
- Powell R, Bellamy J, Sterland S et al. (2012) *Enriching church life: A guide to results from National Church Life Surveys for local churches*. Sydney: Mirrabooka Press & NCLS Research.
- Pretty J and Ward H (2001) Social capital and the environment. *World*

Development 29(2) : 209- 227.

Putnam R and Campbell DE (2010) *American grace: How religion divides and unites us*. NY : Simon & Schuster.

Sherkat DE and Ellison CG (2007) Structuring the religion-environment connection: Identifying religious influences on environmental concern and activism. *Journal for the Scientific Study of Religion* 46(1): 71-85.

Taniguchi H and Thomas LD (2010) The influences of religious attitudes on volunteering. *VOLUNTAS: International Journal of Voluntary and Nonprofit Organizations* 22(2) : 335- 355.

Tarakeshwar N, Swank AB, Pargament KI et al. (2001) The sanctification of nature and theological conservatism: A study of opposing religious correlates of environmentalism. *Review of Religious Research* 42(4): 387-404.

Taylor B (2001) Earth and nature-based spirituality (Part I): From deep ecology to radical environmentalism. *Religion* 31(2): 175-193.

White L Jr (1967) The historical roots of our ecologic crisis. *Science* 155(3767): 1203-1207.

Whitmarsh L (2009) Behavioural responses to climate change: Asymmetry of intentions and impacts. *Journal of Environmental Psychology* 29(1): 13-23.

Tiểu sử các tác giả

Rosemary J LEONARD là nghiên cứu viên chính của CSIRO và giáo sư khoa Khoa học Xã hội và Tâm lý, Đại học Western Sydney (Australia). Các nghiên cứu của tác giả tập trung vào vốn xã hội, sự phục hồi của các cộng đồng, mạng lưới xã hội và sự bền vững của môi trường.

Địa chỉ: Commonwealth Scientific and Industrial Research Organisation (CSIRO), Private Bag 5, Wembley, WA 6913, Australie

Email: Rosemary.Leonard@CSIRO.au

Miriam D PEPPER là nghiên cứu viên thuộc NCLS Research và là thành viên của Đại học Công giáo Australia. Các nghiên cứu của tác giả tập trung vào Cuộc sống bền vững, Tiêu dùng và Tâm lý học môi trường. Tác giả cũng nghiên cứu về Tâm lý và Xã hội học tôn giáo.

Địa chỉ: NCLS Research, PO Box 968, North Sydney, NSW 2059, Australian Catholic University, Australie

Email: mpepper@ncls.org.au

Người dịch: Hoàng Thị Bích Ngọc
Viện Nghiên cứu Tôn giáo